



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

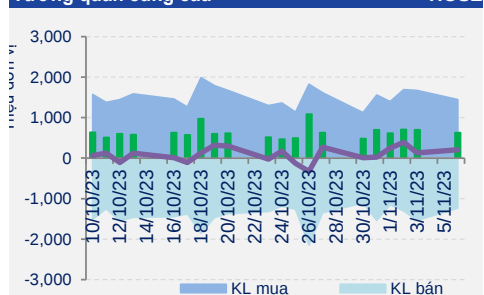
6/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

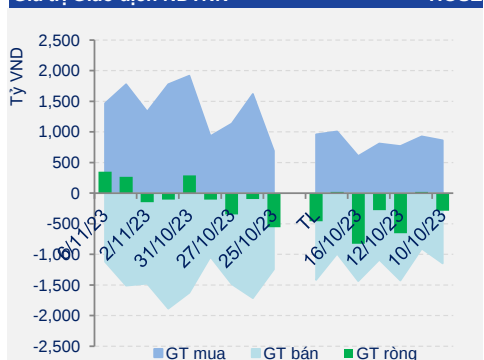
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,089.66	219.59
% Thay đổi	↑ 1.20%	↑ 0.85%
KLGD (CP)	630,290,613	78,119,008
GTGD (tỷ đồng)	14,049.03	1,354.50
Tổng cung (CP)	1,235,331,235	119,220,500
Tổng cầu (CP)	1,444,349,563	128,757,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	39,462,453	3,908,004
KL mua (CP)	50,474,204	11,748,254
GT mua (tỷ đồng)	1,469.07	199.08
GT bán (tỷ đồng)	1,116.76	62.72
GT ròng (tỷ đồng)	352.31	136.36

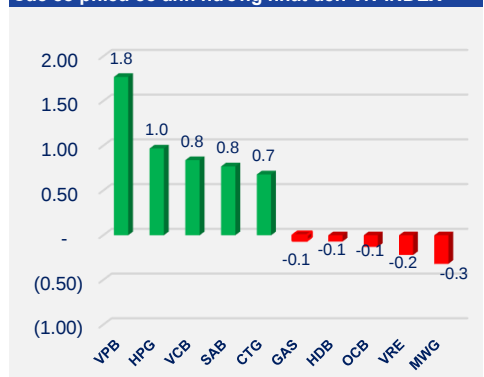
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Tiếp tục xu hướng phục hồi tăng điểm tuần trước và tâm lý thị trường đã cải thiện hơn, VN-INDEX tăng điểm tích cực từ đầu phiên hôm nay lên vùng 1.080 điểm dưới ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, VN30, sau đó rung lắc nhẹ với thanh khoản giảm và tiếp tục tăng điểm tích cực hơn trong phiên chiều, thanh khoản cải thiện khi giá tăng. Kết phiên VN-INDEX tăng 12,88 điểm (+1,20%) lên mức 1.089,66 điểm, vượt lên vùng giá mở cửa phiên giảm điểm mạnh đột biến ngày 26/10/2023. HNX-INDEX kết phiên tăng mạnh 1,84 điểm (+0,85%) lên mức 219,59 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực với 464 mã tăng giá (15 mã tăng trần), 242 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 138 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 15.398,81 tỷ đồng, dưới mức thanh khoản trung bình trong tháng 10/2023, cho thấy nhiều mã sau 03-04 phiên phục hồi tốt, đang chịu áp lực điều chỉnh ngắn hạn, nhưng điều chỉnh với thanh khoản thấp, trong khi nhiều mã vẫn có thanh khoản gia tăng tích cực khi tăng điểm. Nhà đầu tư nước ngoài thu hẹp giao dịch, mua ròng trở lại với giá trị 352,31 tỷ đồng trên HOSE, trong đó mua ròng khá mạnh ở cổ phiếu HPG, STB, VPB; tiếp tục mua ròng trên HNX với giá trị 136,36 tỷ đồng, tập trung đột biến ở cổ phiếu SHS.

Trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội sáng 06/11/2023 Bộ trưởng Tài chính cho biết đang chỉ đạo Ủy ban Chứng khoán (UBCKNN) phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và Bộ Kế hoạch & Đầu tư sớm nâng hạng thị trường chứng khoán. UBCKNN đã làm việc tại Mỹ để họ hiểu hơn về thị trường tài chính Việt Nam. Thị trường chứng khoán Việt Nam hiện đang được 2 tổ chức xếp hạng thị trường là MSCI và FTSE Russell xếp vào Nhóm 3 - thị trường cận biên. Riêng FTSE Russell đưa Việt Nam vào danh sách nhóm chờ nâng hạng lên Nhóm 2 - thị trường mới nổi.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán tiếp tục tăng giá tốt dưới ảnh hưởng mua ròng mạnh tích cực của khối ngoại, hầu hết tăng giá thanh khoản cải thiện với SHS (+4,58%), CTS (+3,82%), VCI (+3,20%), TVS (+2,24%), AGR(+1,86%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng đã phục hồi tăng giá tích cực ngay từ đầu phiên, đa tăng duy trì tốt đến cuối phiên, thanh khoản cải thiện như VPB (+5,05%), SSB (+4,12%), TPB (+3,43%), STB (+3,33%), MBB (+3,16%), SHB (+2,80%)... ngoại trừ OCB (-1,80%), HDB (-0,54%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản đa số tiếp tục phục hồi tăng giá tốt sau áp lực điều chỉnh đầu phiên, nhưng thanh khoản không cải thiện so với phiên trước, dưới mức trung bình với NLG (+4,06%), DIG (+2,24%), VPH (+1,92%), NVL (+1,72%)... ngoại các mã điều chỉnh nhẹ như NDN (-1,05%), NTL (-1,05%), TDC (-0,88%)...

Các cổ phiếu thép, xây dựng, vật liệu xây dựng cũng tăng giá tốt, thanh khoản trên mức trung bình như HSG (+2,83%), VGS (+2,72%), HPG (+2,59%)... TV2 (+3,94%), CTD (+2,09%), VCG (+1,39%)... HT1 (-2,13%), VLB (+1,90%), KSB (+1,52%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2311 duy trì chênh lệch dương từ đầu phiên, kết phiên tăng 19 điểm (+1,75%), chênh lệch dương 2,48 điểm so với VN30, khối lượng giảm 13,49% so với phiên trước, khối lượng mở OI xu hướng giảm, cho thấy hoạt động đầu cơ trong phiên giảm, có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ âm -3,42 điểm đến -8,52 điểm, thể hiện các trader vẫn lạc quan ngắn hạn với xu hướng của VN30, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Đà hồi phục tiếp tục được duy trì mạnh mẽ bằng phiên tăng điểm mạnh đầu tuần, chốt phiên giao dịch VnIndex tăng 12.88 điểm (+1.20%) và đóng cửa ở 1.089,66 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, nỗ lực hồi phục mạnh cũng cố nhận định thị trường sẽ không trở lại downtrend, xu hướng tiếp theo thị trường hoàn toàn có khả năng tiếp tục đà hồi phục kỹ thuật để hướng tới ngưỡng cản tại 1.100 điểm. Mặc dù vậy Vn-Index vẫn đang vận động tìm kiếm khu vực cân bằng mới trong vùng tích lũy cũ và rủi ro ngắn hạn là khá cao bởi VnIndex đã mất xu hướng uptrend nên các nhịp hồi kỹ thuật thường kết thúc bất ngờ khó dự báo.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với trạng thái hồi phục tích cực chúng tôi cho rằng khu vực cân bằng mới để tích lũy lại có khả năng trong vùng điểm số 1.100 điểm - 1.150 điểm, trong trường hợp xấu nhất thì khả năng tích lũy vẫn có thể trên 1.000 điểm.

Thị trường đang có xu hướng hồi phục tích cực sau nhịp giảm sâu, trong ngắn hạn mặc dù VnIndex vẫn có thể tiếp diễn xu hướng tăng điểm nhưng chỉ số đang tiến gần ngưỡng kháng cự và vẫn có rủi ro giảm điểm trở lại. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

6/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PHR	44.70	43-45	57-59	43	6.8	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	18.70	15-16	24-25	17.5	16.9	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	28.60	25-26.5	31-32	24	15.1	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	28.80	25-27	31-32	25	22.4	7.7%	-24.3%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	36.55	30-33	45-46	28	7.9	-29.0%	-52.5%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	23.80	20.5-21.5	26-27	19	16.5	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	29.25	25-27	30-31	22	9.6	-9.0%	-89.9%	Theo dõi chờ giải ngân
DTD	21.10	17.5-18.5	27-29	19	5.3	-46.7%	-46.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVS	35.00	30-32	36-37	29	19.0	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	31.30	26-28	32-33	24	6.7	-34.2%	-59.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BVS	23.90	19.5-21.5	26-27	19	9.4	40.2%	-4.1%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	25.75	22-23.5	27-28	20	80.0	-16.5%	213.0%	Theo dõi chờ giải ngân
CTD	58.70	48-50	65-67	45	42.2	10.2%	226.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PVT	23.95	21-22	27-28	20	8.2	9.5%	-8.0%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	30.9	25.9	35-37	30	19.3%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	28.6	25.8	31-32	27	10.9%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	23.9	22.3	26-27	22	7.2%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	21.1	18.6	26-27	19.5	13.4%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	58.7	52	65-67	54	12.9%	Nắm giữ
2/11/2023	PLC	28.8	26.8	30-31	27.5	7.5%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Việt Nam xuất siêu 24,6 tỷ USD trong 10 tháng đầu năm

Tổng cục Hải quan cho biết, trong 10 tháng đầu năm 2023, tổng xuất nhập khẩu ước đạt 557,95 tỷ USD (giảm 9,6% so với cùng kỳ). Cán cân thương mại ước tính xuất siêu 24,6 tỷ USD, trong đó xuất khẩu 10 tháng năm 2023 ước đạt 291,28 tỷ USD. Thông tin cập nhật từ Tổng cục Hải quan ngày 6/11, tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước tháng 10 năm 2023 ước đạt 32,31 tỷ USD, tăng 5,3% (tương ứng tăng 1,62 tỷ USD) so với tháng trước. Trong khi đó, nhập khẩu tháng 10 ước đạt 29,31 tỷ USD, tăng 2,9% (tương ứng tăng 823 triệu USD) so với tháng trước.

Bộ trưởng Hồ Đức Phớc: Sớm nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam

Bộ Tài chính đang chỉ đạo Ủy ban Chứng khoán phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm nâng hạng thị trường chứng khoán. Ủy ban Chứng khoán đã làm việc tại Mỹ để họ hiểu hơn về thị trường tài chính Việt Nam. Thông tin này được Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc nêu trong phiên chất vấn và trả lời chất vấn trước Quốc hội, sáng nay (6/11). Nâng hạng thị trường chứng khoán là một trong những mục tiêu lớn mà Chính phủ đang hướng tới. Việt Nam hướng đến nâng hạng thị trường chứng khoán từ thị trường cận biên lên mới nổi trước năm 2025.

Xuất khẩu gạo của Việt Nam dự báo lập đỉnh 4,5 tỷ USD

Năm nay Việt Nam sẽ xuất khẩu khoảng 8 triệu tấn gạo với kim ngạch khoảng 4,5 tỷ USD, con số cao nhất từ trước đến nay và là năm thắng lợi của xuất khẩu gạo. Trong khi đó, nhận định năm 2024 cho thấy, thị trường lúa gạo tiếp tục sôi động khi một số quốc gia tăng cường nhập khẩu để đảm bảo an ninh lương thực. Theo ước tính của Bộ Công Thương, trong 10 tháng qua Việt Nam xuất khẩu hơn 7 triệu tấn gạo, trị giá đạt gần 4 tỷ USD, tăng 17% về lượng và tăng 35% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Dự báo năm nay Việt Nam sẽ xuất khẩu khoảng 8 triệu tấn gạo với kim ngạch khoảng 4,5 tỷ USD, đây là con số cao nhất từ trước đến nay và là năm thắng lợi xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Thống đốc Nguyễn Thị Hồng: Tái cơ cấu ngân hàng yếu kém rất khó khăn

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Nguyễn Thị Hồng cho biết xây dựng đề án tái cơ cấu ngân hàng yếu kém là "rất khó", đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế vừa qua. Ngày 6-11, tranh luận với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Nguyễn Thị Hồng tại nghị trường Quốc hội (QH) về vấn đề tín dụng, ĐBQH Phạm Văn Hòa (Đoàn Đồng Tháp) bày tỏ lo ngại khi có 4 ngân hàng thương mại cổ phần đang bị kiểm soát đặc biệt. Vị đại biểu QH đặt vấn đề liệu các ngân hàng này có xảy ra như vụ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) nữa hay không để khách hàng gửi tiền yên tâm.

**TIN DOANH NGHIỆP**

FPT mua thêm công ty công nghệ tại Mỹ, sắp đạt 1 tỷ USD doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài

Từ năm 2014, CTCP FPT (HOSE: FPT) liên tục thực hiện các thương vụ mua bán và sáp nhập với doanh nghiệp công nghệ trên thế giới. Ngày 06/11, FPT công bố thương vụ mua Cardinal Peak - công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật công nghệ có tuổi đời 20 năm tại thị trường Bắc Mỹ. FPT cho biết hoạt động này nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ tại khu vực châu Mỹ nói riêng và các thị trường nói tiếng Anh nói chung, đặc biệt trong các mảng công nghệ mới. Sau thương vụ, Cardinal Peak vẫn sẽ giữ nguyên thương hiệu và mô hình hoạt động như hiện tại, đồng thời hợp tác với FPT giúp Cardinal Peak nâng cao năng lực cũng như mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ, tập khách hàng trên toàn cầu.

Vượt kế hoạch sau 9 tháng, Thủy điện Thác Mơ chi tiếp 182 tỷ tạm ứng cổ tức 2023

CTCP Thủy điện Thác Mơ (HOSE: TMP) thông báo chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền cho cổ đông. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 24/11/2023. Với tỷ lệ thực hiện 26% - tương đương sở hữu 1 cp được nhận 2.600 đồng, cùng 70 triệu cp đang lưu hành, ước tính TMP cần chi khoảng 182 tỷ đồng để hoàn tất chi trả cho cổ đông. Dự kiến ngày thanh toán là 08/12/2023. Việc tạm ứng cổ tức vượt kế hoạch của TMP xuất phát từ kết quả kinh doanh tốt trong 9 tháng đầu năm. Dù kết thúc quý 3 với lãi ròng giảm 34% so với cùng kỳ do điều kiện thủy văn kém thuận lợi, mức lãi của TMP vẫn hơn 115 tỷ đồng.

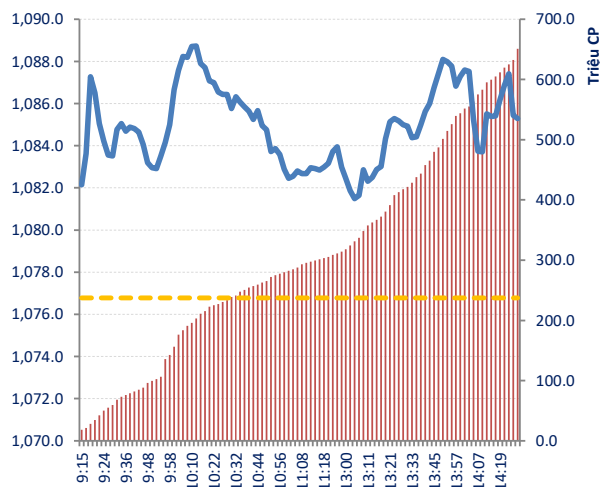
Hòa Phát (HPG) bán ra 635.000 tấn thép trong tháng 10, sản lượng xuất khẩu tăng 23%

Trong tháng 10 vừa qua, Tập đoàn Hòa Phát (mã HPG) đã sản xuất 619.000 tấn thép thô, giảm 3% so với tháng trước. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép cuộn cán nóng (HRC), thép xây dựng, phôi thép đạt 635.000 tấn, tăng 7% so với tháng 9. Trong đó, HRC ghi nhận trên 273.000 tấn, tăng 17% so với tháng trước. Hòa Phát cho biết, kết quả bán hàng thép cuộn cán nóng tháng qua đạt cao chủ yếu nhờ nhu cầu các sản phẩm hạ nguồn tại thị trường miền Nam và xuất khẩu tốt hơn so với tháng 9/2023. Cụ thể, các sản phẩm hạ nguồn HRC của Hòa Phát trong tháng 10 như ống thép, tôn mạ cũng tăng lần lượt là 11% và 25% so với tháng trước đó, tương ứng đạt 54.000 tấn và 26.000 tấn.

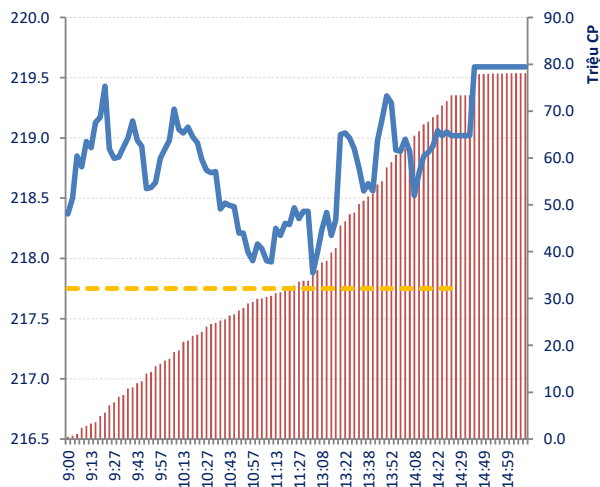
Fecon (FCN): Công ty mẹ tiếp tục thua lỗ, chi phí lãi vay gia tăng

Công ty cổ phần Fecon (FCN) vừa công bố kết quả kinh doanh quý III/2023 với lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ tiếp tục âm, nguyên nhân xuất phát từ lợi nhuận gộp giảm và chi phí lãi vay tăng. Báo cáo tài chính quý III/2023 của Fecon cho thấy, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 213,2 triệu đồng, giảm 71,55% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1,5 tỷ đồng, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước. Tại báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ, lợi nhuận sau thuế quý III/2023 là âm 9,8 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm trước là âm 7,5 tỷ đồng. Trong bối cảnh kinh doanh khó khăn, FCN đã thông báo lùi thời gian thanh toán cổ tức 2022 bằng tiền sang quý I/2024.

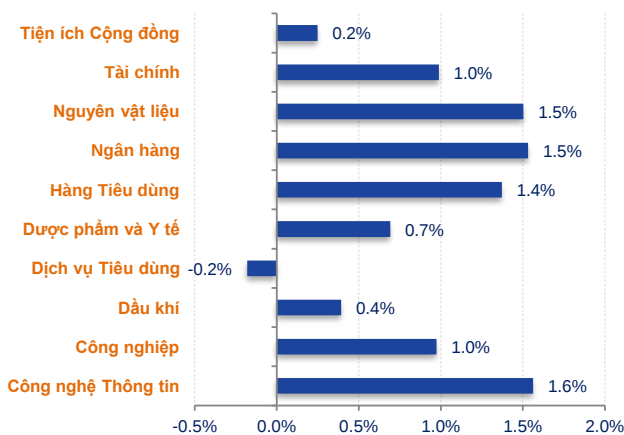
KLGD và VN-Index trong phiên



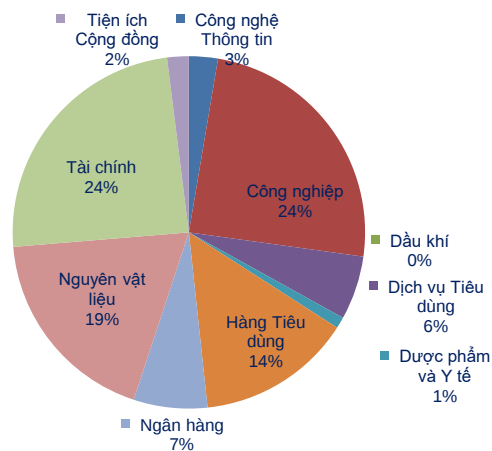
KLGD và HNX-Index trong phiên



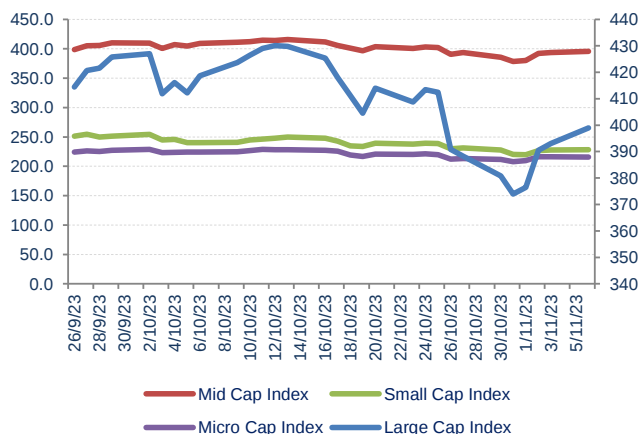
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



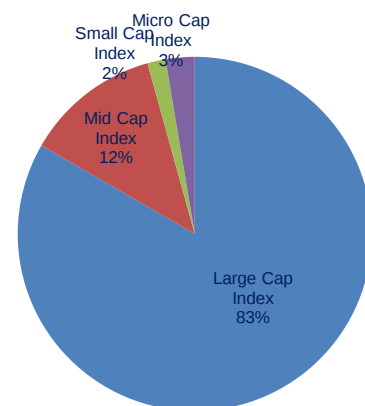
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	5,449,300	VIX	2,451,000
2	HPG	4,674,717	OCB	1,380,200
3	HSG	2,017,816	VRE	1,244,000
4	FUESSVFL	1,609,800	MWG	1,194,648
5	VPB	1,088,000	SSI	614,470

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	7,042,900	HUT	40,860
2	PVS	576,900	APS	11,100
3	IDC	96,400	DHT	6,000
4	VIG	67,000	BVS	5,800
5	MST	33,900	DDG	5,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	25.10	25.75	↑ 2.59%	47,070,500
EIB	17.80	18.00	↑ 1.12%	40,778,900
NVL	14.55	14.80	↑ 1.72%	27,905,400
STB	28.50	29.45	↑ 3.33%	27,745,600
VIX	13.65	13.85	↑ 1.47%	26,572,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	15.30	16.00	↑ 4.58%	33,884,165
CEO	21.90	22.20	↑ 1.37%	10,068,538
HUT	19.00	18.90	↓ -0.53%	4,696,366
MBS	18.40	18.70	↑ 1.63%	3,245,406
PVS	34.90	35.00	↑ 0.29%	3,041,956

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	45.00	48.15	3.15	↑ 7.00%
PDN	106.30	113.70	7.40	↑ 6.96%
CLW	25.35	27.10	1.75	↑ 6.90%
PGI	24.00	25.65	1.65	↑ 6.87%
NHH	19.70	21.05	1.35	↑ 6.85%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC7	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
TFC	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
SJ1	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%
PRC	17.20	18.90	1.70	↑ 9.88%
VTC	9.20	10.10	0.90	↑ 9.78%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PNC	9.90	9.21	-0.69	↓ -6.97%
GTA	16.70	15.55	-1.15	↓ -6.89%
L10	23.45	21.85	-1.60	↓ -6.82%
SJF	2.23	2.08	-0.15	↓ -6.73%
MDG	14.90	13.90	-1.00	↓ -6.71%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	60.00	54.00	-6.00	↓ -10.00%
TJC	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
QTC	12.40	11.20	-1.20	↓ -9.68%
TMX	12.50	11.30	-1.20	↓ -9.60%
PMS	30.00	27.20	-2.80	↓ -9.33%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	47,070,500	1.9%	322	78.0	1.5
EIB	40,778,900	8.3%	1,013	17.6	1.4
NVL	27,905,400	-1.4%	(309)	-	0.6
STB	27,745,600	17.5%	3,825	7.5	1.2
VIX	26,572,700	8.2%	1,005	13.6	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	33,884,165	5.4%	643	23.8	1.2
CEO	10,068,538	6.7%	955	22.9	1.8
HUT	4,696,366	0.8%	122	156.1	1.5
MBS	3,245,406	10.4%	1,104	16.7	1.7
PVS	3,041,956	6.7%	1,846	18.9	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TDW	↑ 7.0%	24.1%	6,381	7.1	1.7
PDN	↑ 7.0%	28.7%	6,898	15.4	4.1
CLW	↑ 6.9%	22.0%	4,328	5.9	1.3
PGI	↑ 6.9%	0.0%	-	-	1.5
NHH	↑ 6.9%	7.2%	1,302	15.1	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	↑ 10.0%	6.2%	682	20.5	1.2
TFC	↑ 10.0%	22.3%	2,802	2.5	0.5
SJ1	↑ 9.9%	4.0%	572	26.4	1.1
PRC	↑ 9.9%	111.7%	41,994	0.4	0.6
VTC	↑ 9.8%	-13.5%	(2,268)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	5,449,300	17.5%	3,825	7.5	1.2
HPG	4,674,717	1.9%	322	78.0	1.5
HSG	2,017,816	0.2%	37	524.0	1.1
FUESSVFL	1,609,800	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	1,088,000	9.7%	1,521	13.0	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	7,042,900	5.4%	643	23.8	1.2
PVS	576,900	6.7%	1,846	18.9	1.2
IDC	96,400	17.0%	3,177	14.1	2.6
VIG	67,000	6.8%	501	13.4	0.9
MST	33,900	7.8%	891	5.4	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	496,870	22.6%	6,013	14.8	3.1
BID	209,929	17.6%	3,887	10.7	1.8
GAS	181,672	19.0%	5,283	15.0	2.9
VHM	176,352	25.0%	9,468	4.3	1.0
VIC	158,660	2.7%	977	42.6	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	16,958	0.8%	122	156.1	1.5
PVS	16,681	6.7%	1,846	18.9	1.2
IDC	14,817	17.0%	3,177	14.1	2.6
THD	13,975	2.9%	460	78.9	2.3
SHS	12,441	5.4%	643	23.8	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	3.45	-0.2%	(32)	-	0.7
DXS	2.82	-1.9%	(269)	-	0.4
LGL	2.77	6.0%	786	5.0	0.3
VPG	2.75	-0.5%	(97)	-	0.8
VPH	2.61	-2.0%	(218)	-	0.7

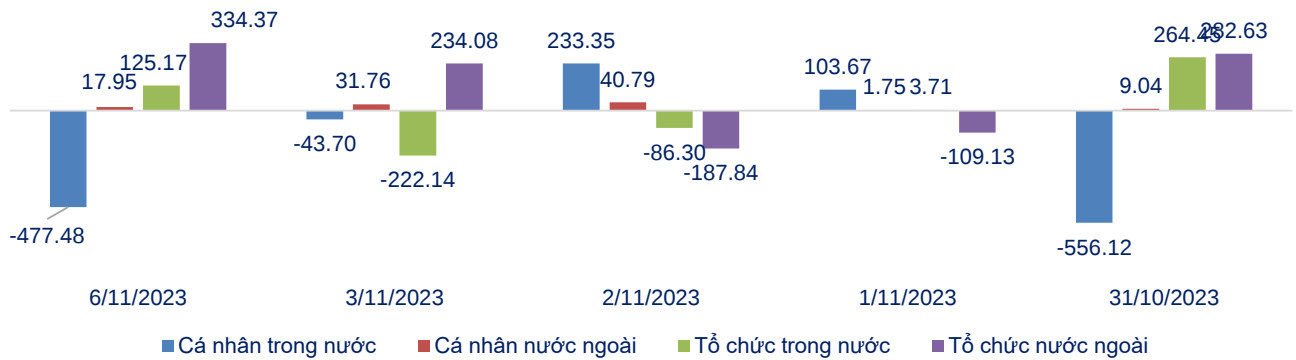
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	2.76	2.2%	304	30.6	0.7
VC7	2.55	6.2%	682	20.5	1.2
AAV	2.37	-2.2%	(260)	-	0.4
FID	2.28	-0.6%	(69)	-	0.2
L14	2.18	12.2%	1,627	24.4	2.9



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	71.12	8.2%	1,005	13.6	1.1
SBT	48.55	4.9%	675	20.7	1.0
HDB	31.76	20.7%	2,926	6.3	1.2
SSI	27.57	8.9%	1,346	21.5	1.9
MWG	25.90	3.0%	476	81.8	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-181.36	17.5%	3,825	7.5	1.2
HPG	-129.23	1.9%	322	78.0	1.5
VPB	-59.07	9.7%	1,521	13.0	1.1
DGC	-58.76	29.7%	9,010	9.5	2.6
GMD	-48.78	25.9%	7,606	8.5	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	14.73	25.0%	9,468	4.3	1.0
POW	5.58	4.2%	609	18.2	0.8
MWG	1.77	3.0%	476	81.8	2.4
CNG	1.19	18.1%	2,909	9.2	1.7
SAB	1.16	16.5%	3,286	19.4	3.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-3.63	1.9%	322	78.0	1.5
NKG	-2.16	-4.8%	(975)	-	0.9
VCI	-2.16	5.7%	911	41.2	2.3
SSI	-1.93	8.9%	1,346	21.5	1.9
APH	-1.24	-1.2%	(309)	-	0.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	42.60	29.7%	9,010	9.5	2.6
VPB	36.67	9.7%	1,521	13.0	1.1
FRT	26.92	-7.8%	(1,103)	-	7.3
ACB	26.39	23.8%	3,839	5.7	1.3
STB	22.13	17.5%	3,825	7.5	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	-41.48	4.9%	675	20.7	1.0
VIX	-37.63	8.2%	1,005	13.6	1.1
HDB	-35.01	20.7%	2,926	6.3	1.2
FUESSVFL	-28.20	N/A	N/A	N/A	N/A
TCH	-18.20	3.4%	598	18.7	0.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	158.72	17.5%	3,825	7.5	1.2
HPG	123.30	1.9%	322	78.0	1.5
HSG	40.09	0.2%	37	524.0	1.1
GMD	34.33	25.9%	7,606	8.5	2.1
FUESSVFL	28.34	N/A	N/A	N/A	N/A

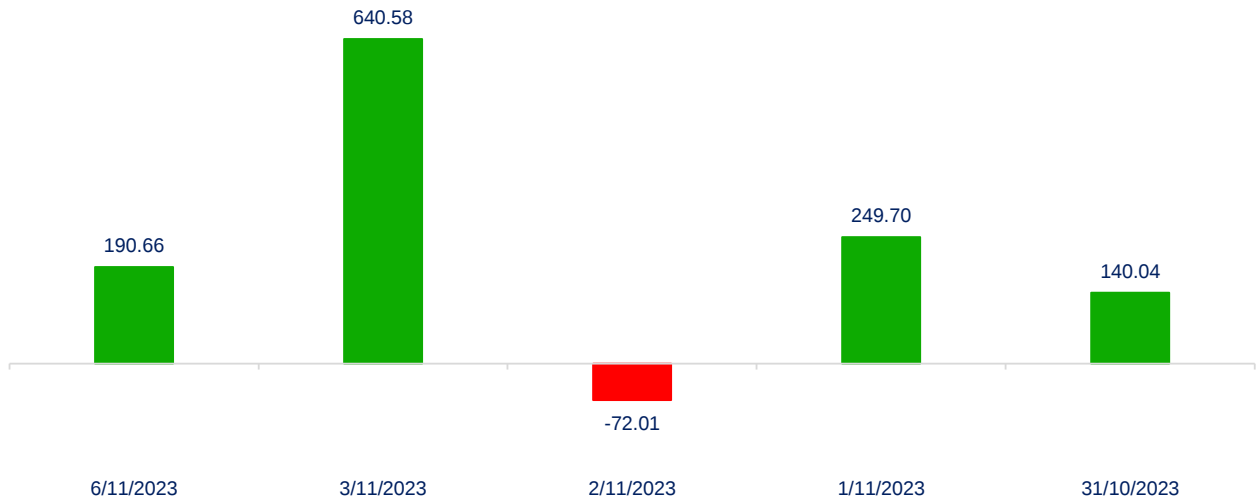
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-47.38	3.0%	476	81.8	2.4
VIX	-33.44	8.2%	1,005	13.6	1.1
VRE	-30.02	11.8%	1,818	13.4	1.5
FRT	-21.52	-7.8%	(1,103)	-	7.3
OCB	-18.90	16.9%	2,201	6.3	1.0

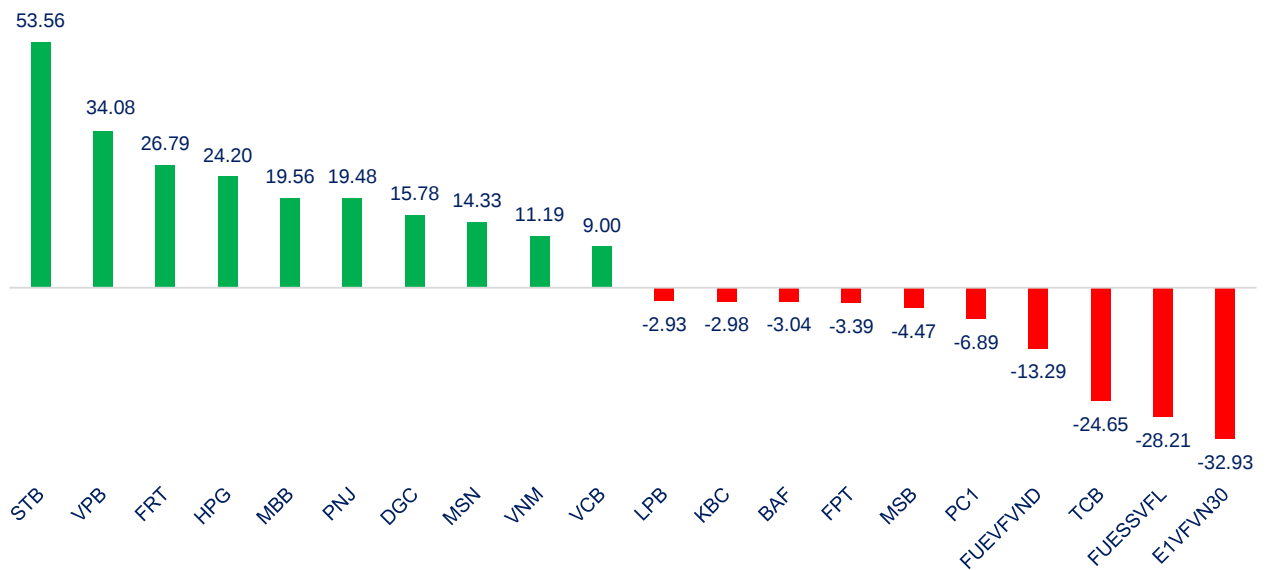


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn